

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 163 /2023/DS-PT

Ngày: 18-12- 2023

Về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thúy Năng

Các Thẩm phán: Ông Ngô Hà Nam

Ông Vũ Việt Dũng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Thanh Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:*
Ông Lê Anh Pha - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 156/2023/TLPT- DS ngày 26 tháng 10 năm 2023 về việc: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 49/2023/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận N, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 217/2023/QĐ-PT ngày 01 tháng 12 năm 2023; Thông báo hoãn phiên tòa số: 167/TB-TA ngày 07 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lưu T, sinh năm 1985, địa chỉ: Số A, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Đ, sinh năm 1977, địa chỉ: Số B, phường K, quận N, thành phố Đà Nẵng. Địa chỉ theo đơn kháng cáo: Số C, phường K, quận N, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

- *Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Đ:* Ông Nguyễn Q, sinh năm 1996; (có mặt) và ông Nguyễn M, sinh năm 1993; (có mặt).

5. Người kháng cáo: Ông Phạm Đ là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****Theo đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 03 năm 2023 và trong quá trình tố tụng - nguyên đơn ông Lưu T trình bày:***

Ông Phạm Đ và ông có quen biết với nhau từ trước. Trong khoảng thời gian năm 2020 đến năm 2021, ông Đ đã nhiều lần mượn tiền của ông với tổng số tiền là 1.150.000.000 đồng, cụ thể như sau:

- Ngày 01/9/2020 có mượn: 200.000.000 đồng;
- Ngày 13/12/2020 có mượn: 200.000.000 đồng;
- Ngày 15/12/2020 có mượn: 400.000.000 đồng;
- Ngày 05/02/2021 có mượn: 200.000.000 đồng;
- Ngày 11/7/2021 có mượn: 150.000.000 đồng và hẹn đến ngày 25/7/2021 sẽ trả trước 50.000.000 đồng.

Tuy nhiên, đến nay ông Đ đã trả cho ông 150.000.000 đồng (bằng bộ bàn ghế gỗ) và chuyển khoản cũng như nhận tiền mặt là 215.000.000 đồng. Hiện nay ông Đ còn nợ ông số tiền 785.000.000 đồng, mặc dù ông đã nhiều lần liên hệ, tìm gặp và yêu cầu trả nợ nhưng phía ông Đ không chịu trả số tiền nợ.

Vì vậy, ông đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Phạm Đ:

1. Trả lại số tiền đã mượn là 785.000.000 đồng;
2. Tiền lãi chậm trả đối với tổng số tiền mượn là 785.000.000 đồng, kể từ ngày 09/3/2023 đến ngày 09/9/2023.

**** Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:***

Hiện nay ông Phạm Đ đã thanh toán cho ông Lưu T được 841.000.000 đồng; theo giấy mượn tiền ngày 05/02/2021 và giấy mượn tiền ngày 11/7/2021 thực tế là ông Đ không mượn số tiền 350.000.000 đồng mà đây là tiền lãi vì do ông Đ hết khả năng trả nợ cho ông T nên mới viết thành giấy mượn tiền. Do đó, hiện nay ông Đ đã trả hết số tiền nợ cho ông T và ông Đ không còn nợ ông T như yêu cầu khởi kiện của ông T.

Với nội dung trên, Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận N, thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469, Điều 470 Bộ luật dân sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản của ông Lưu T đối với ông Phạm Đ.

Tuyên xử: Buộc ông Phạm Đ phải trả cho ông Lưu T số tiền nợ là 824.572.602 đồng (trong đó nợ gốc là 785.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 09/3/2023 đến ngày 09/9/2023 là 39.572.602 đồng).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, tiền lãi chậm trả, nghĩa vụ thi hành án và thông báo về quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 29/9/2023, bị đơn là ông Phạm Đ kháng cáo một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 49/2023/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận N, thành phố Đà Nẵng, đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm lại vụ án, sửa bản án sơ thẩm đối với số tiền mặt mà ông đã thanh toán cho ông Lưu T.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đại diện theo ủy quyền bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Đối với các đơn đề nghị Tạm đình chỉ giải quyết vụ án do ông Phạm Đ đề ngày 12/12/2023; Đơn tố giác tội phạm và Đơn đề nghị tạm ngừng phiên tòa đề ngày 18/12/2023, đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Đ đã rút các đơn này, nên HĐXX không đề cập đến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa phát biểu: Đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 49/2023/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận N, thành phố Đà Nẵng theo hướng:

Xác định ông Phạm Đ đã trả cho ông Lưu T số tiền nợ gốc là 823.500.000 đồng, còn nợ lại là 326.500.000 đồng và tiền lãi phát sinh trên nợ gốc kể từ ngày 09/3/2023 đến ngày 09/9/2023 với lãi suất 10%/năm. Án phí các bên đương sự chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Phạm Đ trong hạn luật định, nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Tại phiên tòa, mặc dù người kháng cáo là ông Phạm Đ vắng mặt, nhưng có người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Đ là ông Nguyễn Q và ông Nguyễn M đều có mặt, nên HĐXX tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Xét nội dung kháng cáo đối với số tiền mặt mà ông Phạm Đ đã thanh toán cho ông Lưu T, thấy: Trong khoảng thời gian năm 2020 đến năm 2021, ông Phạm Đ đã 05 lần mượn tiền của ông Lưu T với tổng số tiền là 1.150.000.000 đồng, cụ thể như sau:

- Ngày 01/9/2020 có mượn: 200.000.000 đồng;
- Ngày 13/12/2020 có mượn: 200.000.000 đồng;
- Ngày 15/12/2020 có mượn: 400.000.000 đồng;
- Ngày 05/02/2021 có mượn: 200.000.000 đồng;
- Ngày 11/7/2021 có mượn: 150.000.000 đồng và hẹn đến ngày 25/7/2021 sẽ trả trước 50.000.000 đồng.

Qua xem xét toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, HĐXX nhận thấy ông Phạm Đ đã trả nợ cho ông Lưu T bằng 04 hình thức như sau:

Thứ nhất: Chuyển khoản vào tài khoản của bà Phạm T (vợ của Lưu T), của ông Lê P, ông Hồ P (bạn của Lưu T) và bà Hoàng H (nhân viên của Phạm Đ) đã được ông Lưu T và ông Phạm Đ thống nhất xác nhận với tổng số tiền là 130.000.000 đồng, cụ thể như sau:

- Ngày 05/5/2021: 20.000.000 đồng - Tài khoản của bà Phạm T.
- Ngày 25/9/2021: 15.000.000 đồng - Tài khoản của bà Phạm T.
- Ngày 23/10/2021: 15.000.000 đồng - Tài khoản của bà Hoàng H.
- Ngày 22/12/2021: 20.000.000 đồng - Tài khoản của bà T.
- Ngày 31/01/2022: 30.000.000 đồng - Tài khoản của bà Phạm T
- Ngày 07/4/2022: 20.000.000 đồng - Tài khoản của ông Lê P.
- Ngày 16/8/2022: 10.000.000 đồng - Tài khoản của ông Hồ P.

Thứ hai: Nhận tiền mặt theo phiếu chi ngày 09/11/2021 với số tiền là 35.000.000 đồng, đã được ông Lưu T và ông Phạm Đ thống nhất xác nhận.

Thứ ba: Mua bộ bàn ghế của ông Phạm Đ với số tiền là 150.000.000 đồng (vợ chồng Phạm Đ trừ vào nợ gốc cho ông Lưu T) đã được ông Lưu T và ông Phạm Đ thống nhất xác nhận.

Thứ tư: Ông Phạm Đ đã nhiều lần yêu cầu vợ của mình là bà Phạm Thị H đưa tiền mặt cho ông Lưu T tại nhà riêng của ông Lưu T. Sau mỗi lần đưa tiền mặt, ông Lưu T đã dùng đầu số điện thoại **0905 657579** nhắn tin cho ông Đ xác nhận có nhận tiền. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Lưu T cũng thừa nhận nội dung tin nhắn được lập vi bằng ngày 17/9/2023 và số điện thoại **0905 657579** nhắn tin cho ông Đ là của ông và xác nhận có nhận tiền, cụ thể như sau:

Ngày 02/03/2021: 397.500.000 đồng.

Ngày 06/05/2021: 16.000.000 đồng

Ngày 26/06/2021: 30.000.000 đồng

Ngày 12 và ngày 30/7/2021: 15.000.000 đồng mỗi lần.

Ngày 15/10/2021: 20.000.000 đồng

Ngày 02/11/2022: 15.000.000 đồng

Theo trình bày đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Đ, tổng số tiền mặt mà ông vợ chồng ông Đ đưa cho ông Lưu T và được xác nhận qua tin nhắn điện thoại là 508.500.000 đồng và đây là số tiền trả nợ gốc.

Còn ông Lưu T cho rằng:

Đối với tin nhắn ngày 02/03/2021 có nội dung: *“Vừa rồi chị đưa 400 trước tết trong đó có cục 50 triệu thiếu 2,5 triệu a”*, là tiền ông Phạm Đ đã trả nợ cho ông đối với khoản vay trước đó, không bao gồm trong số tiền nợ gốc 1.150.000.000 đồng mà ông đang khởi kiện tại Tòa án. Tuy nhiên, ông Lưu T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh ông Phạm Đ ngoài mượn của ông số tiền 1.150.000.000 đồng, ông Đ còn nợ ông khoản vay mượn trước đó. Mặt khác, tại bản tự khai và biên bản ghi lời khai ngày 05/8/2023 tại Công an quận N, thành phố Đà Nẵng, ông Lưu T xác nhận: *“...Năm 2016, tôi không nhớ rõ thời gian thì giữa tôi và anh Đ có giao dịch mượn tiền trong thời gian ngắn, sau đó trả dứt điểm...Năm 2016, có thời gian ngắn...tôi có cho anh Đ vay số tiền có ghi giấy tờ nhưng hiện nay tôi đã rút vì số tiền này đã trả dứt điểm...”*. (BL 156,157). Vì vậy, lời khai của ông T về việc ông Đ đã trả tiền theo nội dung tin nhắn ngày 02/03/2021 là trả nợ cho khoản vay trước đó là không có cơ sở.

Đối với tất cả các khoản tiền ông Đ trả cho ông T, ông Đ và đại diện theo ủy quyền của ông Đ xác định toàn bộ là tiền gốc. Còn ông T xác nhận đối với số tiền ông Đ trả bằng hình thức khác là tiền gốc. Riêng đối với nội dung nhận tiền qua điện thoại, ông T không ghi và cũng không nhớ tiền gốc hay tiền lãi.

HĐXX cấp phúc thẩm xét thấy: Ông Đ mượn tiền ông T nhiều đợt bắt đầu từ ngày 01/09/2020 và kết thúc ngày 11/07/2021. Cũng trong thời gian này, bắt đầu từ ngày 03/02/2021 và đến ngày 02/11/2022, ông Đ đã nhiều lần trả tiền cho ông T bằng 04 hình thức khác nhau, trong đó có 07 lần chuyển khoản, 06 lần xác nhận qua tin nhắn, 01 lần phiếu chi và 01 lần mua lại bộ bàn ghế. Bản thân ông T cũng không xác định được đã nhận của ông Đ bao nhiêu tiền gốc và lãi qua tin nhắn tương ứng với 05 lần mượn tiền nêu trên. Nên HĐXX cấp phúc thẩm cũng không có cơ sở để xem xét tiền lãi mà ông Đ đã trả cho ông T là bao nhiêu.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xử buộc ông Phạm Đ trả nợ gốc còn lại là 785.000.000 đồng và lãi trên nợ gốc cho ông Lưu T là chưa xem xét, đánh giá toàn bộ chứng cứ, mà cụ thể là các tin nhắn qua điện thoại nhận tiền và được ông T xác nhận tại phiên tòa phúc thẩm.

Từ nhận định và phân tích trên, HĐXX cấp phúc nhận thấy cần chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Đ về số tiền mặt mà ông Phạm Đ đã trả ông Lưu T qua 4 hình thức như trên, với tổng cộng số tiền đã trả nợ gốc là: 823.500.000 đồng, ông Phạm Đ chỉ còn nợ ông Lưu T số tiền nợ gốc là: 326.500.000 đồng.

[4] Về tiền lãi:

Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Phạm Đ kháng cáo về số tiền gốc đã thanh toán cho ông Lưu T, đồng ý trả lãi 10%/năm trên số tiền nợ gốc còn lại, nên HĐXX cấp phúc thẩm sẽ tính lãi suất trên số tiền nợ gốc còn lại là 326.500.000 đồng, từ ngày 09/3/2023 đến ngày 09/9/2023 là 184 ngày.

Lãi suất được tính lại như sau: $326.500.000 \text{ đồng} \times 10\% / \text{năm} (0,833\% / \text{tháng}) \times 184 \text{ ngày} = 16.220.520 \text{ đồng}$.

Như vậy, ông Đ còn phải trả cho ông T 326.500.000 đồng tiền gốc và 16.220.520 đồng tiền lãi, tổng cộng: 342.720.520 đồng.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do sửa án sơ thẩm, nên án phí sửa lại như sau:

Cấp sơ thẩm buộc ông Phạm Đ phải trả cho ông Lưu T số tiền nợ là 824.572.602 đồng (trong đó nợ gốc là 785.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 09/3/2023 đến ngày 09/9/2023 là 39.572.602 đồng).

Do cấp phúc thẩm sửa án, ông Đ chỉ phải trả cho ông T tổng cộng: 342.720.520 đồng.

Nên ông T phải chịu án phí DSST trên số tiền không được chấp nhận: $481.852.082 \text{ đồng} (824.572.602 \text{ đồng} - 342.720.520 \text{ đồng}) = 20.000.000 \text{ đồng} + (4\% \times 81.852.082 \text{ đồng}) = 23.274.083 \text{ đồng}$.

Do ông Lưu T đã nộp tạm ứng án phí DSST là 23.614.000 đồng, theo biên lai thu số 0009589 ngày 06/4/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự quận N, TP. Đà Nẵng. Nên ông T hoàn lại số tiền chênh lệch là: 339.917 đồng.

Ông Đ phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho ông T: $342.720.520 \text{ đồng} \times 5\% = 17.136.026 \text{ đồng}$.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của ông Phạm Đ được chấp nhận, nên ông Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho ông Đ số

tiền 300.000đ tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0001568 ngày 02/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận N, thành phố Đà Nẵng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Đ. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 49/2023/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận N, thành phố Đà Nẵng.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lưu T đối với ông Phạm Đ về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Xử:

Buộc ông Phạm Đ phải trả cho ông Lưu T số tiền là 342.720.520 đồng (trong đó nợ gốc là 326.500.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 09/3/2023 đến ngày 09/9/2023 là 16.220.520 đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán.

2. Về án dân sự sơ thẩm:

- Ông Lưu T phải chịu án phí DSST là 23.274.083 đồng. Được khấu trừ vào tạm ứng án phí DSST đã nộp là 23.614.000 đồng, theo biên lai thu số 0009589 ngày 06/4/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự quận N, TP. Đà Nẵng. Ông Lưu T được hoàn lại số tiền chênh lệch là 339.917 đồng

- Ông Phạm Đ phải chịu án phí DSST là: 17.136.026 đồng.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phạm Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho ông Phạm Đ số tiền 300.000đ tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0001568 ngày 02/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận N, thành phố Đà Nẵng.

Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Đà Nẵng
- Chi cục THADS quận N
- TAND quận N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thúy Năng

